

Bản án số: 91/2020/HN-ST

Ngày: 13-4-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Sáng;
2. Ông Đoàn Minh Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 13 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 391/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Ng đơn:

Bà Trần Thị H, sinh năm 1971; Có yêu cầu xét xử vắng mặt

Đăng ký thường trú: ấp B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1969; Vắng mặt

Nơi cư trú: ấp B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2019, văn bản trình bày ý kiến ngày 03/01/2020 Ng đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Phi H tự nguyện kết hôn vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 12/01/2007. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm thì

phát sinh mâu thuẫn kéo dài, Ng nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng; từ đó bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng với ông H không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H, bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thảo D, sinh ngày 17/6/2005 và Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 10/01/2010, hiện hai con đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ng đơn bà Trần Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà H.

Bị đơn ông Nguyễn Phi H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng ông H không có mặt, vụ án không tiến hành mở phiên hòa giải được và tại phiên tòa ông H vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà H, quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, Ng nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Bà H và ông H đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông H, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông H thực tế là có xảy ra và giữa hai người có thời gian sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay, với khoảng thời gian

trên cũng đủ cho ông, bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông H là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thảo D, sinh ngày 17/6/2005 và Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 10/01/2010, hiện con đang sống với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung. Xét yêu cầu được nuôi con chung của bà H là chính đáng, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay bà H là người trực tiếp nuôi con chung, bản thân bà H cũng có việc làm và thu nhập đủ để đảm bảo cuộc sống cả về vật chất lẫn tinh thần cho cháu D và cháu Ng. Vì vậy, việc giao con cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu D và cháu Ng, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có nên không xét đến.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều Điều 28, 147, 207, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H đối với ông Nguyễn Phi H. Cụ thể tuyên:

Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Phi H.

Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị H được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Thảo D, sinh ngày 17/6/2005 và Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 10/01/2010. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Phi H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom con để

cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của ông H, bà H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có nên không xét đến.

2/ Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006919 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Bà H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Hậu

